

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2021/DS-PT

Ngày 10 - 6 - 2021

V/v tranh chấp hợp đồng

dân sự vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đỗ Mạnh Hùng
- *Các Thẩm phán:* Ông Huỳnh Châu Thạch
Ông Đặng Ngọc Bình

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Nghi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:* Bà Võ Thị Kim Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 57/2021/TLPT-DS ngày 11/5/2021, về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 30/2021/DS-ST ngày 05/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đức T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 135/2021/QĐ-PT ngày 24/5/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1975. Cư trú tại: Tổ 6, thôn Phú Thạnh, xã Hiệp T, huyện Đức T, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1962. Cư trú tại: Thôn Hang Hót, xã Mê L, huyện Lâm H, tỉnh Lâm Đồng.

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị Mỹ H, sinh năm 1985. Cư trú tại: Số 15, Tổ 8, thôn Phú Thạnh, xã Hiệp T, huyện Đức T, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn H, sinh năm 1975. Cư trú tại: Số 15, Tổ 8, thôn Phú Thạnh, xã Hiệp T, huyện Đức T, tỉnh Lâm Đồng.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Lê Thị Mỹ H.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị M thì:*

Bà và bà Lê Thị Mỹ H có mối quan hệ quen biết nên bà có cho bà H vay nhiều lần tiền, vay rồi lại trả. Tuy nhiên đến cuối năm 2020 thì bà H không thanh toán nữa nên còn nợ lại một số khoản, cụ thể:

- Trong năm 2017, bà có cho bà H vay các lần tiền: Ngày 20/9/2017 số tiền 50.000.000đ, thời hạn vay 01 tháng; ngày 01/10/2017 số tiền 50.000.000đ, thời hạn vay 02 tháng; ngày 20/12/2017 số tiền 80.000.000đ, thời hạn vay 01 tháng. Đối với những khoản vay này hai bên thỏa thuận bằng miệng lãi suất theo mức lãi suất ngân hàng và bà H đã trả tiền lãi cho bà (do thỏa thuận miệng nên khi trả lãi bà cũng không lập giấy tờ nên bà không nhớ chính xác bà H đã trả bao nhiêu), toàn bộ các lần vay đều do một mình bà H đến nhà bà và bà giao tiền mặt cho bà H tại nhà bà. Nay bà yêu cầu bà H trả cho bà số tiền gốc 180.000.000đ, bà không yêu cầu lãi suất.

- Trong năm 2018, bà có cho bà H vay các lần tiền: Ngày 23/4/2018 số tiền 50.000.000đ, thời hạn vay 01 tháng; ngày 29/6/2018 số tiền 100.000.000đ, thời hạn vay 10 ngày; ngày 29/7/2018 số tiền 450.000.000đ, thời hạn vay 15 ngày; ngày 01/8/2018 số tiền 100.000.000đ, thời hạn vay 02 tháng; ngày 28/12/2018 số tiền 70.000.000đ, thời hạn vay 15 ngày. Đối với những khoản vay này hai bên thỏa thuận bằng miệng lãi suất theo mức lãi suất ngân hàng và bà H đã trả tiền lãi cho bà (do thỏa thuận miệng nên khi trả lãi bà cũng không lập giấy tờ nên bà không nhớ chính xác bà H đã trả bao nhiêu), toàn bộ các lần vay đều do một mình bà H đến nhà bà và bà giao tiền mặt cho bà H tại nhà bà. Nay bà yêu cầu bà H trả cho bà số tiền gốc 770.000.000đ, bà không yêu cầu lãi suất.

- Trong năm 2019 và 2020, bà có cho bà H vay các lần tiền: Ngày 17/4/2019 số tiền 100.000.000đ, thời hạn vay 01 tháng; ngày 20/5/2019 số tiền 100.000.000đ, thời hạn vay 02 tháng; ngày 10/7/2019 số tiền 100.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày; ngày 13/11/2019 số tiền 200.000.000đ, thời hạn vay 15 ngày; ngày 12/8/2020 số tiền 100.000.000đ, thời hạn vay 10 ngày. Đối với những khoản vay này hai bên thỏa thuận bằng miệng lãi suất theo mức lãi suất ngân hàng và bà H đã trả tiền lãi cho bà (do thỏa thuận miệng nên khi trả lãi bà cũng không lập giấy tờ nên bà không nhớ chính xác bà H đã trả bao nhiêu), toàn bộ các lần vay đều do một mình bà H đến nhà bà và bà giao tiền mặt cho bà H tại nhà bà. Nay bà yêu cầu bà H trả cho bà số tiền gốc 600.000.000đ, bà không yêu cầu lãi suất.

Tất cả các giấy vay tiền đều do bà H viết và ký tên. Đến cuối năm 2020 cho đến nay bà H không trả cho bà bất cứ khoản gốc và lãi nào đối với những khoản vay trên.

Tổng cộng bà yêu cầu bà H có nghĩa vụ trả cho bà số tiền nợ gốc là 1.550.000.000đ, bà không yêu cầu lãi suất. Ngoài ra bà không có yêu cầu gì khác.

** Theo bị đơn bà Lê Thị Mỹ H trình bày:*

Bà và Bà Nguyễn Thị M có quan hệ họ hàng xa với nhau. Từ ngày 17/4/2019 đến 18/8/2020 bà có vay của bà M nhiều lần tiền với tổng số tiền là 1.550.000.000đ (một tỷ năm trăm năm mươi triệu đồng) với lãi suất 2.700đ/triệu/ngày. Quá trình vay bà đã đóng lãi cho bà M đầy đủ đến ngày 31/12/2020. Sau ngày này thì bà M bắt tôi tiếp tục đóng lãi 40.000.000đ/tháng bằng hình thức là bà phải đóng huê chết cho bà M, do bà M đã hốt trong dây huê của bà Lê Thị Phụng – mẹ bà thay cho bà M.

Như vậy, tính đến nay thì bà đã trả cho bà M số tiền gốc tổng cộng là 683.760.000đ, cụ thể là:

- Ngày 10/01/2020 bà trả 400.000.000đ (có giấy nhận tiền của bà M).
- Tháng 12/2020, sau khi nghe bà nợ tiền và bà M đến đòi thì chồng bà là Ông Nguyễn H đã trả thay 100.000.000đ.
- Bà M có tham gia chơi nhiều dây huê và nhiều chân huê trong một dây do bà làm cái và ngược lại. Căn trừ nghĩa vụ thì cho đến nay bà M còn nợ bà số tiền 183.760.000đ nhưng không tiếp tục đóng huê chết để trừ tiền vào số tiền bà còn nợ vay.
- Bà đã trả thay cho bà M tiền huê là 80.000.000đ.

Như vậy, tổng số tiền bà đã trả cho bà M là 763.760.000đ, bà chỉ còn nợ 786.240.000đ chứ không phải là 1.550.000.000đ.

Riêng tiền lãi bà đã trả cho bà M tổng cộng là 1.455.800.000đ, bà yêu cầu bà M tính lại khoản lãi theo quy định của pháp luật và trừ vào tiền nợ gốc, còn nợ lại bao nhiêu bà sẽ trả cho bà M.

Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số: 30/2021/DSST ngày 05/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đức T đã xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị M. Buộc bà Lê Thị Mỹ H có nghĩa vụ trả cho Bà Nguyễn Thị M số tiền 1.550.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 15/4/2021, bị đơn bà Lê Thị Mỹ H kháng cáo không đồng ý toàn bộ nội dung của bản án sơ thẩm. Bà không đồng ý trả cho bà M số tiền 1.550.000.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện thỏa thuận với nhau cụ thể là nguyên đơn giảm cho bị đơn 500.000.000 đồng, chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền 1.050.000.000 đồng (Một tỷ không trăm năm mươi triệu đồng).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nêu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại giai đoạn phúc thẩm cũng như phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đồng thời, nêu quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện, thỏa thuận của các đương sự, căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 1.050.000.000 đồng (Một tỷ không trăm năm mươi triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ tranh chấp: Xuất phát từ việc bà M và bà H có mối quan hệ quen biết nên bà có cho bà H vay tiền nhiều lần cụ thể như sau:

- Ngày 20/9/2017 vay số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng.
- Ngày 01/10/2017 số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay 02 tháng.
- Ngày 20/12/2017 vay số tiền 80.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng.
- Ngày 23/4/2018 vay số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng.
- Ngày 29/6/2018 số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay 10 ngày.
- Ngày 29/7/2018, vay số tiền 450.000.000 đồng, thời hạn vay 15 ngày.
- Ngày 01/8/2018 vay số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay 02 tháng.
- Ngày 28/12/2018 vay số tiền 70.000.000 đồng, thời hạn vay 15 ngày.
- Ngày 17/4/2019, vay số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng.
- Ngày 20/5/2019, vay số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay 02 tháng.
- Ngày 10/7/2019, vay số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay 30 ngày.
- Ngày 13/11/2019, vay số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn vay 15 ngày.
- Ngày 12/8/2020, vay số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay 10 ngày.

Tổng cộng là: 1.550.000.000 đồng tiền gốc.

Tất cả những khoản vay này không ghi lãi suất, lãi suất do hai bên thỏa thuận theo lãi suất Ngân hàng và bà H có trả lãi suất cho Mai nhiều lần nhưng cụ thể bao nhiêu thì bà không nhớ. Nay bà M khởi kiện yêu cầu bà H trả cho bà số tiền gốc là 1.550.000.000 đồng, phía bà H không đồng ý vì cho rằng bà đã trả cho bà M 763.760.000 đồng, bà chỉ còn nợ lại bà M số tiền 786.240.000 đồng nên các bên phát sinh tranh chấp. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là

“*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị Mỹ H thì:

[2.1]. Theo các giấy vay tiền thể hiện bà H có vay tiền bà M nhiều lần với số tiền tổng cộng là 1.550.000.000 đồng là có thật, hai bên có lập thành giấy vay tiền có chữ ký của bà H và bà H đã thừa nhận là chữ ký của bà và bà có vay tiền bà M nhiều lần với tổng số tiền 1.550.000.000 đồng.

Trong các giấy vay tiền đều không thể hiện lãi suất. Tuy nhiên, bà M thừa nhận đã nhận tiền lãi từ bà H nhiều lần cụ thể bao nhiêu thì bà không nhớ. Còn bà H trình bày bà đã trả lãi cho bà M 1.455.800.000 đồng và 763.760.000 đồng tiền gốc. Tuy nhiên, tại giai đoạn cấp sơ thẩm và tại phiên tòa hôm nay bà H không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh việc đã trả cho bà M 1.455.800.000 đồng tiền lãi và 763.760.000 đồng tiền gốc, bà M không thừa nhận việc này nên lời trình bày của bà H là không có căn cứ.

[2.2]. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay bà M và bà H tự nguyện thỏa thuận với nhau là bà M giảm cho bà H 500.000.000 đồng và chỉ yêu cầu bà H trả số tiền 1.050.000.000 đồng (Một tỷ không trăm năm mươi triệu đồng).

Xét thấy, nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái quy định của pháp luật, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử cần công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[2.3] Từ những phân tích trên cần công nhận sự thỏa thuận và ghi nhận sự tự nguyện giữa các đương sự, cụ thể:

Buộc bà Lê Thị Mỹ H có nghĩa vụ trả cho Bà Nguyễn Thị M số tiền 1.050.000.000 đồng (Một tỷ không trăm năm mươi triệu đồng).

Do đó, cần sửa bản án sơ thẩm theo hướng đã nhận định như trên.

[3] Về án phí: Do sửa án sơ thẩm nên bị đơn không phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 30/2021/DS-ST ngày 05/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đức T. Xử:

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

1. Buộc bà Lê Thị Mỹ H có nghĩa vụ trả cho Bà Nguyễn Thị M số tiền 1.050.000.000 đồng (Một tỷ không trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Buộc bà Lê Thị Mỹ H phải chịu 43.500.000 đồng tiền án phí Dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng án phí Dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0001308 ngày 29/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức T. Bà H còn phải nộp 43.200.000 đồng tiền án phí.

Hoàn trả cho nguyên đơn Bà Nguyễn Thị M số tiền 29.250.000 đồng tiền án phí đã tạm nộp theo biên lai thu số 0000907 ngày 21/12/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức T.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KTNV&THA;
- TAND huyện Đức T;
- Chi cục THADS huyện Đức T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Mạnh Hùng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Châu Thạch

Đặng Ngọc Bình

Đỗ Mạnh Hùng

Các Thẩm phán

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

.....

.....

Đỗ Mạnh Hùng

